ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 46 /2023/QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày 05 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 64/TTr-SCT ngày 14 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác liên quan đến việc xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Công Thương; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Công Thương.

c) Khuyến khích cơ quan, tổ chức và cá nhân không sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ trong lĩnh vực Công Thương ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật

Một số định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Quyết định này là cơ sở để xác định đơn giá một số dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Kon Tum có sử dụng kinh phí theo phương thức đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Một số định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Kon Tum

1. Dịch vụ lĩnh vực khuyến công

a) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

b) Hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

2. Dịch vụ lĩnh vực xúc tiến thương mại

a) Tham gia hội chợ, triển lãm.

b) Tổ chức chương trình đưa hàng Việt về nông thôn.

c) Hỗ trợ "Điểm bán hàng Việt cố định", "Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP".

d) Tổ chức, tham gia hội nghị kết nối giao thương.

đ) Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm của tỉnh.

(Có Phụ lục chi tiết định mức kinh tế - kỹ thuật kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4 (t/h);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Công Thương (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp *(Cục Kiểm tra văn bản QPPL)*;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ *(Văn thư - Lưu trữ)*;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HTKT.LDT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục I
Định mức kinh tế- kỹ thuật: Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Nội dung công việc	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**315,26**	
1	*Định mức giờ công của lao động có chuyên môn*	*315,26*	
*	Trình độ đại học	315,26	
-	Ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch gửi đến đơn vị phương	0,33	
-	Tổng hợp các đề án đăng ký từ các cá nhân, tổ chức địa phương.	0,33	
-	Khảo sát, làm việc các cá nhân, tổ chức địa phương đăng ký hỗ trợ khuyến công	6	
-	Thẩm tra cơ sở đề án khuyến công	8	
-	Ban hành văn bản đề nghị cá nhân, tổ chức địa phương chỉnh sửa, hoàn thiện đề án *(nếu có)*	2	
-	Ban hành thông báo kết quả thẩm tra cơ sở cho các cá nhân, tổ chức địa phương	0,66	
-	Lập tờ trình đề nghị Hội đồng thẩm định; Sở Công Thương thẩm định đề án	0,66	
-	Tham gia tổ chức thẩm định đề án		
+	*Ban hành văn bản gửi đến các thành viên Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến công tỉnh Kon Tum*	*0,33*	
+	*Photo; Scan tài liệu đề án và các giấy tờ liên quan gửi các thành viên Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến công tỉnh Kon Tum*	*0,66*	
+	*Tham gia thẩm định đề án*	*0,66*	
+	*Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến công tỉnh Kon Tum*	*0,33*	
-	Soạn thảo văn bản gửi các cá nhân, tổ chức địa phương hoàn thiện hồ sơ đề án theo kết quả thẩm định	0,33	
-	Tổng hợp hoàn thiện đề án của các cá nhân, tổ chức địa phương	0,66	
-	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt		
+	Ban hành tờ trình xin phê duyệt	0,33	

STT	Nội dung công việc	Định mức (giờ)	Ghi chú
+	*Photo; Scan tài liệu đề án và các giấy tờ liên quan*	0,66	
+	Dự thảo Quyết định phê duyệt	0,33	
-	Họp hướng dẫn sau khi có Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh	0,99	
-	Ký hợp đồng thực hiện triển khai đề án	4	
-	Đôn đốc triển khai, kiểm tra thực hiện đề án	256	
-	Họp làm việc giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện	4	
-	Tổ chức nghiệm thu đề án	8	
-	Báo cáo kết quả thực hiện đề án	4	
-	Hoàn thiện hồ sơ; thanh lý hợp đồng; thanh toán; lưu trữ	16	
II	**Định mức lao động gián tiếp *(quản lý, phục vụ)***	**100,62**	
*	Trình độ đại học		
-	Thực hiện phê duyệt các thủ tục có liên quan để triển khai đề án; ký hợp đồng thực hiện đề án	16,62	
-	Kiểm tra, nghiệm thu thực hiện đề án	72	
-	Họp làm việc giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện	4	
-	Thực hiện thanh lý hợp đồng, lưu trữ hồ sơ	8	

B. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy vi tính để bàn chuyên môn	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	51,94
2	Máy vi tính để bàn quản lý	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	18,62
3	Máy vi tính để bàn kế toán	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	20
4	Máy in	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	51,94
5	Máy photo	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	1,32

C. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
1	Xăng xe	Lít		680	0	100%
2	Giấy A4	Ram		1	0	100%
3	Mực in	Hủ		1	75	25%
4	Mực photo	Hủ		1	75	25%
5	Bút viết	Cây		2	0	100%
6	Bìa đựng tài liệu	Cái		2	0	100%
7	Bấm giấy	Cái		1	91,7	8,3%
8	Ghim bấm	Hộp		1	91,7	8,3%
9	Kẹp giấy	Hộp		1	0	100%
10	Băng keo	Cuộn		1	0	100%

Phụ lục II
Định mức kinh tế- kỹ thuật: Hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn (CNNT) tiêu biểu cấp tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Nội dung công việc	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**213,96**	
1	*Định mức giờ công của lao động có chuyên môn*	*213,96*	
*	Trình độ đại học	213,96	
-	Ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch bình chọn gửi đến các địa phương	8	
-	Khảo sát, thu thập số liệu làm cơ sở lập đề án tổ chức bình chọn	6	
-	Lập đề án xin hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT	24	
-	Lập tờ trình đề nghị Hội đồng thẩm định; Sở Công Thương thẩm định đề án	0,66	
-	Tham gia tổ chức thẩm định đề án		
+	*Ban hành văn bản gửi đến các thành viên Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến công tỉnh Kon Tum*	*0,33*	
+	*Photo; Scan tài liệu đề án và các giấy tờ liên quan gửi các thành viên Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến công tỉnh Kon Tum*	*0,66*	
+	*Tham gia thẩm định đề án*	*0,66*	
+	*Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến công tỉnh Kon Tum*	*0,33*	
-	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt		
+	*Ban hành tờ trình xin phê duyệt*	*0,33*	
+	*Photo; Scan tài liệu đề án và các giấy tờ liên quan*	*0,66*	
+	*Dự thảo Quyết định phê duyệt*	*0,33*	
-	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét thành lập Hội đồng bình chọn		
+	*Ban hành tờ trình thành lập Hội đồng*	*4*	
+	*Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng*	*4*	
-	Trình Hội đồng bình chọn thành lập Ban giám khảo tổ chức bình chọn.		

STT	Nội dung công việc	Định mức (giờ)	Ghi chú
+	*Ban hành tờ trình thành lập Ban giám khảo bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu*	*4*	
+	*Dự thảo Quyết định thành lập Ban giám khảo*	*4*	
-	Ban hành quy chế làm việc của Ban giám khảo bình chọn		
+	*Dự thảo Ban hành quy chế gửi các thành viên Ban giám khảo*	*8*	
+	*Tổng hợp ý kiến các thành viên và Ban hành quy chế làm việc của Ban giám khảo.*	*8*	
-	Hướng dẫn hồ sơ đăng ký bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh	60	
-	Tổng hợp hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNT	4	
-	Tổ chức chấm điểm của Ban giám khảo bình chọn.		
+	*Ban hành giấy mời gửi đề các thành viên Ban giám khảo bình chọn*	*2*	
+	*Photo; Scan tài liệu hồ sơ và các giấy tờ có liên quan gửi Ban giám khảo*	*4*	
+	*Tổ chức chấm điểm*	*8*	
+	*Lập biên bản tổng hợp kết quả chấm điểm gửi Hội đồng bình chọn*	*4*	
-	Hội đồng bình chọn tổ chức bình chọn		
+	*Ban hành giấy mời gửi đến các thành viên Hội đồng bình chọn*	*2*	
+	*Tổ chức làm việc với Hội đồng bình chọn*	*4*	
+	*Báo cáo biên bản làm việc của Hội đồng*	*4*	
-	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh		
+	*Ban hành tờ trình xin công nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh*	*2*	
+	*Dự thảo Quyết định*	*2*	
+	*Dự thảo Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu*	*4*	
-	Trao giấp chứng nhận; bằng khen cho các sản phẩm đạt giải		
+	*Ban hành giấy mời gửi các cá nhân; tập thể; các tổ chức liên quan tham dự*	*4*	
+	*Chuẩn bị các nội dung: Trang trí Hội trường; bài phát biểu trao chứng nhận*	*4*	

STT	Nội dung công việc	Định mức (giờ)	Ghi chú
+	*Tổ chức Lễ trao giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh*	*4*	
-	Báo cáo kết quả thực hiện đề án	4	
-	Hoàn thiện thanh toán chứng tư; lưu trữ hồ sơ	24	
II	**Định mức lao động gián tiếp *(quản lý, phục vụ)***	**72,31**	
*	Trình độ đại học		
-	Thực hiện phê duyệt các thủ tục có liên quan để triển khai đề án	26,31	
-	Tổ chức thực hiện đề án	34	
-	Báo cáo kết quả thực hiện đề án	4	
-	Thực hiện thanh quyết toán, lưu trữ hồ sơ	8	

B. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy vi tính để bàn chuyên môn	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	134,64
2	Máy vi tính để bàn quản lý	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	38,31
3	Máy vi tính để bàn kế toán	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	28
4	Máy in	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	134,64
5	Máy photo	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	5,32

C. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
1	Xăng xe	Lít		15	0	100%
2	Giấy A4	Ram		5	0	100%
3	Mực in	Hủ		1	50	50 %
4	Mực photo	Hủ		2	0	100%

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
5	Bút viết	Cây		20	0	100%
6	Bìa đựng tài liệu	Cái		20	0	100%
7	Bấm giấy	Cái		1	91,7	8,3%
8	Ghim bấm	Hộp		1	91,7	8,3%
9	Kẹp giấy	Hộp		1	0	100%
10	Băng keo	Cuộn		2	0	100%

Phụ lục III

Định mức kinh tế - kỹ thuật: Tham gia hội chợ, triển lãm

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**234**	
1	*Định mức giờ công của lao động có chuyên môn*	*234*	
*	Trình độ đại học	234	
-	Ban hành văn bản gửi các địa phương đề xuất chương trình xúc tiến thương mại hàng năm	0,17	
-	Tổng hợp đề xuất của các địa phương	0,17	
-	Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu để lập đề án	3	
-	Xây dựng đề án	28	
-	Ban hành tờ trình, chuẩn bị các giấy tờ liên quan, trình hội đồng thẩm định, Sở Công Thương xem xét phê duyệt	0,33	
-	Chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến Hội đồng thẩm định	0,33	
-	Lập kế hoạch tổ chức tham gia hội chợ	4	
-	Triển khai các bước thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định	16	
-	Hợp đồng với các đơn vị liên quan	8	
-	Làm việc với các đơn vị liên quan để xúc tiến triển khai đề án	8	
-	Mời doanh nghiệp họp để chọn sản phẩm tham gia	4	
-	Đăng ký, hợp đồng tham gia hội chợ	4	
-	Mượn sản phẩm các doanh nghiệp trong tỉnh, chuẩn bị hồ sơ của các hàng hóa	16	
-	Vận chuyển hàng hóa, vận dụng đi hội chợ, trang trí gian hàng, trưng bày sản phẩm, trực giới thiệu sản phẩm tại gian hàng	128	
-	Kiểm kê, trả hàng hóa cho các doanh nghiệp	8	
-	Lập báo cáo kết quả tham gia hội chợ	2	
-	Soạn thảo và trình ký các hồ sơ nghiệm thu, thanh lý, quyết toán..	4	
2	*Định mức giờ công của lao động phổ thông*		
II	**Định mức lao động gián tiếp *(quản lý, phục vụ)***	**36**	
*	Trình độ đại học *(quản lý)*	16	

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
-	Thực hiện phê duyệt các thủ tục liên quan *(nếu có)* để triển khai đề án; ký hợp đồng thực hiện đề án	8	
-	Chủ trì, theo dõi, giám sát thực hiện	4	
-	Xét duyệt hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán	4	
*	Trình độ đại học *(phục vụ)*	20	
-	Tham mưu thực hiện các thủ tục liên quan về đấu thầu, ký kết hợp đồng	4	
-	Tham mưu thực hiện nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, lưu trữ hồ sơ	16	

B. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn *(Bộ phận lao động trực tiếp thực hiện các nội dung công việc soạn thảo văn bản, báo cáo)*	Cấu hình kỹ thuật thông thường	63
2	Máy tính bàn *(Kế toán)*	Cấu hình kỹ thuật thông thường	10
3	Máy tính bàn *(Lãnh đạo)*	Cấu hình kỹ thuật thông thường	16
4	Máy in	Cấu hình kỹ thuật thông thường	63
5	Máy photo	Cấu hình kỹ thuật thông thường	12,6

C. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
1	Xăng xe	Lít		17,5	0	100%
2	Giấy A4	Ram		1	50%	100%
3	Mực in	Hũ		1	75%	25%
4	Mực photo	Hũ		1	75%	25%
5	Bút viết	Cây		1	0	100%
6	Bìa đựng tài liệu	Cái		2	0	100%
7	Bấm giấy	Cái		1	90%	10%
8	Ghim bấm	Hộp		1	75%	25%
9	Kẹp giấy	Hộp		1	75%	25%
10	Băng keo	Cuộn		1	75%	25%

Phụ lục IV

Định mức kinh tế - kỹ thuật: Tổ chức chương trình đưa hàng Việt về nông thôn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**64,84**	
1	*Định mức giờ công của lao động có chuyên môn*	*64,84*	
*	Trình độ đại học	64,84	
-	Ban hành văn bản gửi các địa phương đề xuất Chương trình XTTM hàng năm	0,17	
-	Tổng hợp đề xuất của các địa phương	0,17	
-	Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu lập đề án	3	
-	Xây dựng đề án	28	
-	Ban hành tờ trình, chuẩn bị các tài liệu liên quan, trình Hội đồng thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum thẩm định, phê duyệt đề án	0,33	
-	Chỉnh sửa, hoàn thiện đề án sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định	0,33	
-	Ban hành văn bản gửi phòng Kinh tế Hạ tầng huyện, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện, Ủy ban nhân dân xã nơi tổ chức để phối hợp thực hiện Chương trình	0,44	
-	Ban hành thư mời, các biểu mẫu kèm theo mời doanh nghiệp tham gia Chương trình	0,40	
-	Họp lựa chọn đơn vị tham gia	4	
-	Ban hành hợp đồng thực hiện các nội dung của Chương trình	4	
-	Tổ chức đoàn đi thực hiện Chương trình	16	
-	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng với các đơn vị liên quan	4	
-	Tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả	4	
2	*Định mức giờ công của lao động phổ thông*		
II	**Định mức lao động gián tiếp *(quản lý, phục vụ)***	**28**	
*	Trình độ đại học *(quản lý)*	16	
-	Thẩm định các văn bản do bộ phận chuyên môn trình; ký văn bản gửi cấp trên và các đơn vị liên quan; ký hợp đồng thực hiện đề án	4	

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
-	Họp lựa chọn đơn vị tham gia	4	
-	Chủ trì triển khai đề án	4	
-	Tổ chức nghiệm thu, thanh lý các hợp đồng liên quan	4	
*	Trình độ đại học *(phục vụ)*	12	
-	Phối hợp bộ phận chuyên môn tham mưu hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng	4	
-	Thực hiện thanh toán, quyết toán, lưu trữ hồ sơ	8	

B. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn *(Bộ phận lao động trực tiếp)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	64,84
2	Máy tính bàn *(phục vụ)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	12
3	Máy tính bàn *(quản lý)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	16
4	Máy in	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	64,84
5	Máy photo	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	12,97

C. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
1	Xăng xe	Lít		7,5	0	100%
2	Giấy A4	Ram		1	50	50%
3	Mực in	Hũ		1,00	75	25%
4	Mực photo	Hũ		1,00	95	5%
5	Bút viết	Cây		1	0	100%
6	Bìa đựng tài liệu	Cái		5	0	100%
7	Bấm giấy	Cái		1	90	10%

Phụ lục V

Định mức kinh tế-kỹ thuật: Hỗ trợ *"Điểm bán hàng Việt cố định", "Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP"*

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**154,17**	
1	*Định mức giờ công của lao động có chuyên môn*	*154,17*	
*	Trình độ đại học	154,17	
-	Ban hành văn bản gửi các địa phương đề xuất Chương trình XTTM hàng năm	0,17	
-	Tổng hợp đề xuất của các địa phương	0,17	
-	Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu lập đề án	3	
-	Xây dựng đề án	28	
-	Ban hành tờ trình, chuẩn bị các tài liệu liên quan, trình Hội đồng thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum thẩm định, phê duyệt đề án	0,33	
-	Chỉnh sửa, hoàn thiện đề án sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định	0,33	
-	Ban hành văn bản mời các đơn vị liên quan tham gia họp để lựa chọn đơn vị vận hành điểm bán	0,17	
-	Khảo sát, tìm kiếm địa điểm thực hiện điểm bán	80	
-	Tổ chức họp lựa chọn đơn vị vận hành điểm bán	6	
-	Tham mưu hợp đồng hỗ trợ	4	
-	Hướng dẫn đơn vị vận hành triển khai điểm bán	8	
-	Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện đề án	16	
-	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hỗ trợ	4	
-	Tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả	4	
2	*Định mức giờ công của lao động phổ thông*		
II	**Định mức lao động gián tiếp *(quản lý, phục vụ)***	**28**	
*	Trình độ đại học *(quản lý)*	16	
-	Thẩm định các văn bản do bộ phận chuyên môn trình; ký văn bản gửi cấp trên và các đơn vị liên quan; ký hợp đồng thực hiện đề án	4	
-	Họp lựa chọn đơn vị vận hành điểm bán	4	

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
-	Chủ trì triển khai đề án	4	
-	Tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng	4	
*	Trình độ đại học *(phục vụ)*	12	
-	Phối hợp bộ phận chuyên môn tham mưu hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng	4	
-	Thực hiện thanh toán, quyết toán, lưu trữ hồ sơ	8	

B. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn *(Bộ phận lao động trực tiếp)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	131,17
2	Máy tính bàn *(Kế toán)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	12
3	Máy tính bàn *(Lãnh đạo)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	12
4	Máy in	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	131,17
5	Máy photo	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	26,23

C. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
1	Xăng xe	Lít		187,5	0	100%
2	Giấy A4	Ram		1,6	0	100%
3	Mực in	Hũ		1	40	60%
4	Mực photo	Hũ		1	40	60%
5	Bút viết	Cây		3	0	100%
6	Bìa đựng tài liệu	Cái		3	0	100%
7	Bấm giấy	Cái		1	90	10%
8	Ghim bấm	Hộp		1	50	100%
9	Kẹp giấy	Hộp		1	0	100%
10	Băng keo	Cuộn		1	25	75%

Phụ lục VI

Định mức kinh tế - kỹ thuật: Tổ chức, tham gia hội nghị kết nối giao thương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**198**	
1	*Định mức giờ công của lao động có chuyên môn*	*198*	
*	Trình độ đại học	198	
-	Ban hành văn bản gửi các địa phương đề xuất chương trình xúc tiến thương mại hàng năm	0,17	
-	Tổng hợp đề xuất của các địa phương	0,17	
-	Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu để lập đề án	3	
-	Xây dựng đề án	28	
-	Ban hành tờ trình, chuẩn bị các giấy tờ liên quan, trình hội đồng thẩm định, Sở Công Thương xem xét phê duyệt	0,33	
-	Chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến Hội đồng thẩm định	0,33	
-	Lập kế hoạch tổ chức tham gia	4	
-	Triển khai các bước thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định	16	
-	Hợp đồng với các đơn vị liên quan	8	
-	Làm việc với các đơn vị liên quan để xúc tiến triển khai đề án	8	
-	Mời doanh nghiệp họp để tham gia	4	
-	Chuẩn bị sản phẩm, hồ sơ của các sản phẩm	16	
-	Vận chuyển hàng hóa, vận dụng đi kết nối, trang trí gian hàng, trưng bày sản phẩm, giới thiệu sản phẩm tại gian hàng	96	
-	Kiểm kê, trả hàng hóa cho các doanh nghiệp	8	
-	Lập báo cáo kết quả tham gia	2	
-	Soạn thảo và trình ký các hồ sơ nghiệm thu, thanh lý, quyết toán…	4	
2	*Định mức giờ công của lao động phổ thông*		
II	**Định mức lao động gián tiếp *(quản lý, phục vụ)***	**36**	
*	Trình độ đại học *(quản lý)*	16	
-	Thực hiện phê duyệt các thủ tục liên quan *(nếu có)* để triển khai đề án; ký hợp đồng thực hiện đề án	8	

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
-	Chủ trì, theo dõi, giám sát thực hiện	4	
-	Xét duyệt hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán	4	
*	Trình độ đại học *(phục vụ)*	20	
-	Tham mưu thực hiện các thủ tục liên quan về đấu thầu, ký kết hợp đồng	4	
-	Tham mưu thực hiện nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, lưu trữ hồ sơ	16	

B. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn *(Bộ phận lao động trực tiếp thực hiện các nội dung công việc soạn thảo văn bản, báo cáo)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	71
2	Máy tính bàn *(Kế toán)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	10
3	Máy tính bàn *(Lãnh đạo)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	16
4	Máy in	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	71
5	Máy photo	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	14,2

C. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
1	Xăng xe	Lít		7,5	0	100%
2	Giấy A4	Ram		1	50%	50%
3	Mực in	Hũ		1	75%	25%
4	Mực photo	Hũ		1	75%	25%
5	Bút viết	Cây		1	0	100%
6	Bìa đựng tài liệu	Cái		2	0	100%
7	Bấm giấy	Cái		1	90%	10%
8	Ghim bấm	Hộp		1	75%	25%
9	Kẹp giấy	Hộp		1	75%	25%
10	Băng keo	Cuộn		1	75%	25%

Phụ lục VII

Định mức kinh tế-kỹ thuật: Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm của tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**456**	
1	*Định mức giờ công của lao động có chuyên môn*	*456*	
*	Trình độ đại học	456	
-	Ban hành văn bản gửi các địa phương đề xuất chương trình xúc tiến thương mại hàng năm	0,17	
-	Tổng hợp đề xuất của các địa phương	0,17	
-	Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu để lập đề án	3	
-	Xây dựng đề án	28	
-	Ban hành tờ trình, chuẩn bị các giấy tờ liên quan, trình hội đồng thẩm định, Sở Công Thương xem xét phê duyệt	0,33	
-	Chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến Hội đồng thẩm định	0,33	
-	Soạn văn bản, liên hệ với các doanh nghiệp, hướng dẫn cho các doanh nghiệp đăng ký hỗ trợ xây dựng thương hiệu	32	
-	Tổ chức họp các doanh nghiệp được hỗ trợ với đơn vị tư vấn để triển khai việc hỗ trợ xây dựng thương hiệu	8	
-	Hướng dẫn cho doanh nghiệp thực hiện các nội dung về xây dựng thương hiệu	80	
-	Giám sát các nội dung về xây dựng thương hiệu	288	
-	Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán	16	
2	*Định mức giờ công của lao động phổ thông*		
II	**Định mức lao động gián tiếp *(quản lý, phục vụ)***	**36**	
*	Trình độ đại học *(quản lý)*	16	
-	Thực hiện phê duyệt các thủ tục liên quan (*nếu có*) để triển khai đề án; ký hợp đồng thực hiện đề án	8	
-	Chủ trì, theo dõi, giám sát thực hiện	4	
-	Xét duyệt hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán	4	
*	Trình độ đại học *(phục vụ)*	20	
-	Tham mưu thực hiện các thủ tục liên quan, ký kết hợp đồng	4	
-	Tham mưu thực hiện nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, lưu trữ hồ sơ	16	

B. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn *(Bộ phận lao động trực tiếp thực hiện các nội dung công việc soạn thảo văn bản, báo cáo)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	77
2	Máy tính bàn (*Kế toán)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	10
3	Máy tính bàn *(Lãnh đạo)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	16
4	Máy in	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	77
5	Máy photo	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	15,4

C. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
1	Xăng xe	Lít		7,5	0	100%
2	Giấy A4	Ram		1	50%	50%
3	Mực in	Hũ		1	75%	25%
4	Mực photo	Hũ		1	75%	25%
5	Bút viết	Cây		1	0	100%
6	Bìa đựng tài liệu	Cái		2	0	100%
7	Bấm giấy	Cái		1	90%	10%
8	Ghim bấm	Hộp		1	75%	25%
9	Kẹp giấy	Hộp		1	75%	25%
10	Băng keo	Cuộn		1	75%	25%